

Quan điểm triết học về thủ lĩnh chính trị toàn trị

ThS NGUYỄN TIẾN DŨNG

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam; Email: nguyentientungbqt@gmail.com

Tóm tắt: Dân chủ và tự do là các mục đích nhân văn quan trọng bậc nhất của phát triển lịch sử xã hội nhân loại. Tất cả các dân tộc trên thế giới đều hướng đến và nỗ lực hiện thực hóa các mục đích này, chúng cũng là thước đo về tiến bộ xã hội. Trái ngược với chúng, chuyên chế và nô lệ là những biểu hiện cơ bản của sự phản nhân văn trong phát triển của xã hội loài người. Chế độ toàn trị (tiêu biểu nhất là chế độ phát xít) thể hiện rõ nhất sự chuyên chế và nô lệ con người. Thủ lĩnh chính trị toàn trị (TLCTTT) không những thể hiện rõ nhất bản chất của chế độ toàn trị mà còn là phương tiện chủ yếu để hiện thực hóa nó. Trong lịch sử tư tưởng triết học, đã có nhiều quan điểm về thủ lĩnh chính trị toàn trị. Nội dung của bài viết đi vào khái lược một số nội dung về những quan điểm này.

Từ khóa: chế độ toàn trị; tư duy toàn trị; TLCTTT; bản chất xã hội của TLCTTT.

TLCTTT là hình thức thủ lĩnh chính trị xuất hiện ở thế kỷ XX, cho thấy suy thoái, biến hóa hoàn toàn bản chất xã hội và bản chất đạo đức của thủ lĩnh chính trị. Nó phản ánh cô đọng nhất một kiểu hệ tư tưởng và chế độ chính trị với tên gọi tương ứng. Mussoloni lần đầu tiên sử dụng nó trong hệ thuật ngữ chính trị để nêu đặc trưng phong trào của mình. Lý luận về chế độ toàn trị hình thành vào những năm 40 - 50 thế kỷ XX và được phát triển vào những thập niên sau đó. Những nghiên cứu lý luận đầu tiên về các vấn đề của chế độ toàn trị là tác phẩm “Con đường dẫn từ tự do đến nô lệ” (1944) của F.Haek và “Cội nguồn của chế độ toàn trị” (1951) của H.Arend, cũng như tác phẩm “Nền chuyên chính toàn trị và chế độ độc tài” (1956) của K.Fridrich và S.Brezensky,... Các ý định muốn hơn nhằm xây dựng lý luận duy nghiệm về chế độ toàn trị đã không có kết quả khả quan vì khi phản ánh các chế độ chính trị khác nhau ở thế kỷ XX.

Do khả năng áp dụng hạn chế của các lý luận duy nghiệm về chế độ toàn trị, nên sẽ hữu hiệu hơn nếu lý giải nó như một khái niệm được thể hiện trên thực tế trong hệ tư tưởng, phong trào chính trị và chế độ chính trị hiện thực. Những dấu hiệu chung của chế độ toàn trị là hướng tới tính có tổ chức bao trùm toàn bộ xã hội và giám sát toàn phần đối với cá nhân từ phía thủ lĩnh chính trị, cải tạo triệt để toàn bộ hệ thống xã hội phù hợp với thuyết không tưởng xã hội không để lại chỗ cho tự do cá nhân và những mâu thuẫn xã hội. V.I.Lênin cũng từng chỉ ra, trong xã hội của giai cấp thống trị bóc lột, dường như “vài nhóm quý tộc và vài

nhóm nhỏ những phần tử tri thức tư sản đã làm ra lịch sử, trong khi đó quần chúng công nhân và nông dân vẫn ngủ say, chưa thức tỉnh”⁽¹⁾.

Mặc dù chế độ toàn trị chỉ trở thành hiện thực chỉ ở thế kỷ XX, song cội nguồn tư tưởng của nó bắt nguồn từ thời xa xưa. Đại diện của trường phái Pháp trị ở Trung Quốc cổ đại (giữa thế kỷ 4 trước công nguyên), “Thương Ưng cho rằng, chính quyền hoạt động dựa trên những nguyên tắc tư duy: (1) nhất trí tuyệt đối; 2) chiếm ưu thế của trừng phạt đối với thường công; (3) trừng phạt tàn khốc gây ra sợ hãi, thậm chí vì những tội nhỏ; (4) gieo rắc cho mọi người thái độ hoài nghi lẫn nhau, theo dõi lẫn nhau và tố giác lẫn nhau”⁽²⁾.

Tư duy toàn trị cũng xuất hiện rất sớm ở phương Tây. Thí dụ, để hình thành con người hoàn hảo về mặt đạo đức, theo Plato, cần phải có chính quyền được tổ chức đúng, có khả năng bảo đảm phúc lợi chung. Điều cơ bản đối với chính quyền như vậy không phải là làm cho ai đó hạnh phúc, mà là làm cho mọi người hạnh phúc. Vì phúc lợi của chính thể, tức là công bằng, người ta cấm hay loại bỏ tất cả những gì phá vỡ sự thống nhất của nhà nước: cấm tự do tìm tòi chân lý; xóa bỏ gia đình, sở hữu tư nhân, vì chúng chia ly mọi người; chính quyền thể chế hóa nghiêm ngặt mọi mặt đời sống, kể cả đời sống riêng tư, đời sống tình dục, v.v..

Bất chấp khác biệt sâu sắc về nội dung, song các TLCTTT vẫn có logic tư duy chung. Như N.A.Berdyaev nhận xét, cần phải tìm kiếm những cội nguồn

đầu tiên của tư duy chính trị toàn trị ở việc chính trị hóa thuyết không tưởng. Những hình ảnh lý tưởng về chế độ hoàn hảo, hài hòa (thuyết không tưởng) đóng một vai trò to lớn trong lịch sử. Chúng đã được thực hiện một phần lớn, nhưng tất yếu dưới hình thức bị xuyên tạc. “Toàn thể là dấu hiệu chủ yếu của thuyết không tưởng. Thuyết không tưởng luôn mang tính toàn trị, thù địch với tự do”. Điều này có lý do của nó là ở chỗ, với tính cách một hệ thống đóng, đã kết thúc, phác họa mọi mặt đời sống của chế độ xã hội lý tưởng, thuyết không tưởng không để lại chỗ cho sự mất hài hoà, những mâu thuẫn, cho những luận điểm và hành động bác bỏ các định đề chủ đạo của nó⁽³⁾.

Trong tư duy của thủ lĩnh chính trị toàn trị, thuyết không tưởng đầy quyền rũ được đồng nhất với chân lý tuyệt đối. Điều này cho phép TLCTTT xem mọi lý luận và quan điểm khác là sai lầm hay là giả dối có chủ ý, còn đại diện của chúng hoặc là kẻ thù, hoặc là những người tối tăm hay sai lầm, cần được cải tạo.

Thuyết không tưởng toàn trị thể hiện dưới hình thức luận chứng cho mục đích của hoạt động tập thể. Logic tiếp theo của tư duy toàn trị là: các mục đích chung được cụ thể hóa và được thực hiện nhờ kế hoạch hóa kinh tế và xã hội. Kế hoạch hóa toàn thể, đến lượt mình, lại cần đến bảo đảm vững chắc của đám đông, điều này được bảo đảm nhờ phát triển thái quá các thể chế quyền lực và giám sát xã hội, cũng như cần không chế tư tưởng của dân chúng một cách có hệ thống.

Tư duy của TLCTTT đòi hỏi những tiền đề xác định để được hiện thực hóa. Đó là những điều kiện xã hội đặc biệt. Tiền đề chung và chủ yếu của tư duy chính trị toàn trị là giai đoạn công nghiệp hóa của phát triển xã hội. Như sự đánh giá của C.Mác về Na-pô-lê-ông Đệ tam, rằng: “cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp lại tạo ra những điều kiện và những tình hình cho phép một nhân vật tầm thường và lỗ bịch có thể đóng vai trò một anh hùng”⁽⁴⁾.

Các tổ chức độc quyền có tổ chức mạnh mẽ đã xuất hiện ở hàng loạt nước trong giai đoạn phát triển này, chúng điều tiết toàn bộ các ngành công nghiệp và tổ chức tương tác chặt chẽ với Nhà nước. Bản thân Nhà nước cũng được tăng cường, những chức năng xã hội của nó được mở rộng. Sự gia tăng các yếu tố hợp lý và có tổ chức, tính quản lý trong đời sống xã hội, cũng như những thành tựu hiển nhiên trong phát triển khoa học, kỹ thuật và giáo dục đã sinh ra ảo tưởng về khả năng chuyển sang hình thức sinh hoạt có tổ chức hợp

lý và được quản lý toàn diện trên quy mô toàn thể xã hội. Hạt nhân, rường cột của tổ chức toàn thể này chỉ có thể là quyền lực nhà nước toàn năng và thâm nhập tất cả. Thể chế TLCTTT thể hiện là một thử nghiệm đặc thù nhằm giải quyết mâu thuẫn hiện thực trở nên gay gắt trong quá trình phát triển xã hội - mâu thuẫn giữa tổ chức xã hội trở nên phức tạp và tự do cá nhân. Cha đẻ của chủ nghĩa phát xít Italia, Mussolini nhận xét: “Chúng ta lần đầu tiên tuyên bố rằng nền văn minh càng trở nên phức tạp hơn, thì tự do của cá nhân càng bị hạn chế hơn”⁽⁵⁾.

Thế giới quan tập thể chủ nghĩa - máy móc chủ nghĩa như cơ sở của tư duy toàn trị là sản phẩm của chủ nghĩa công nghiệp và chủ nghĩa nhà nước (mở rộng đáng kể ảnh hưởng của nhà nước). Thực chất của nó là ở việc lĩnh hội thế giới như một hệ thống máy móc khổng lồ, còn nhà nước hoàn hảo, lý tưởng - một xí nghiệp thống nhất, một cỗ máy được tổ chức tốt, cấu thành từ trung tâm điều hành, các đầu mối và những chi tiết, phục tùng một mệnh lệnh chỉ huy thống nhất từ thủ lĩnh chính trị toàn trị.

Một trong những tiền đề chủ quan quan trọng nhất của thể chế TLCTTT là tâm lý bất mãn của con người đối với việc nguyên tử hóa xã hội ở thời đại công nghiệp, việc phá hủy những quan hệ và những giá trị tôn giáo và tập thể chủ nghĩa kiểu công xã truyền thống, làm gia tăng tha hóa xã hội. Điều này đưa tới tâm trạng bị tước đoạt xã hội phổ biến, tới nguyện vọng của con người chạy trốn khỏi thế giới lạnh nhạt và vô hồn, khỏi sự cô độc và tồn tại vô nghĩa của mình, khắc phục sự bất lực và nỗi sợ hãi trước sự tự phát của thị trường, tìm ra sự an ủi và mục đích sống trong những giá trị tư tưởng mới và những hình thức tổ chức tập thể chủ nghĩa.

Chủ nghĩa tư bản cùng với sự cạnh tranh tàn khốc của nó, cùng với cuộc đấu tranh chống lại nhau của mọi người, cùng với đạo đức vị kỷ, cùng với sự phi nhân cách hóa cá nhân đã gây ra ở nhiều người tâm trạng bị tước đoạt, làm cho họ trở nên nhạy cảm với hệ tư tưởng toàn trị. Bối cảnh thế giới đó đã được V.I.Lênin chỉ rõ: “... toàn thể giới phân chia thành một số lớn những dân tộc bị áp bức và một số rất ít những dân tộc đi áp bức, nằm trong tay những tài sản khổng lồ và lực lượng quân sự hùng mạnh”⁽⁶⁾.

Thể chế TLCTTT có sức hấp dẫn đối với cá nhân cô độc, bị tha hóa về mặt xã hội. Nhờ niềm tin mới và tổ chức mới mà nó đem lại hy vọng khẳng định mình

trong một cái vịnh hằng, lớn hơn trong không gian và thời gian so với cá nhân riêng biệt. Nhờ tiếp cận với Quyền lực thần thánh, toàn năng mà con người khắc phục được sự cô đơn và nhận được sự bảo đảm xã hội⁽⁷⁾. Ngoài ra, thể chế TLCTTT còn quyền rũ nhiều người nhờ khả năng đem lại lối thoát bằng bản năng hiểu chiến, phá hủy của mình, nhờ khả năng khắc phục tính không có giá trị đầy đủ của mình và vượt lên trên những người xung quanh do thuộc về một nhóm xã hội (dân tộc, chủng tộc) hay một đảng. Vậy phải chăng đó là một tất yếu lịch sử, về điều này Ph.Ăngghen nêu rõ, rằng nếu như không phải “nước cộng hòa Pháp bị cuộc chiến tranh làm cho tàn sức kiệt lực - đó là ngẫu nhiên”⁽⁸⁾ để cản đến “nhà độc tài quân sự” thì cũng không làm xuất hiện nhân vật vĩ đại như Na-pô-lê-ông Đệ nhất.

Như vậy, những tiền đề của thể chế TLCTTT là khá đa dạng. Đó là giai đoạn phát triển công nghiệp; gia tăng tính hợp lý và tính có tổ chức trong đời sống xã hội; xuất hiện các tổ chức độc quyền và liên minh của chúng với thủ lĩnh chính trị (nhà nước, xét từ góc độ này, thì thể chế TLCTTT là độc quyền nhà nước phổ biến); nhà nước hóa xã hội đặc biệt tăng lên trong thời gian chiến tranh; thế giới quan tập thể chủ nghĩa - máy móc chủ nghĩa; thái độ tin tưởng vào khả năng nhanh chóng cải thiện được cuộc sống nhờ những cải tạo xã hội hợp lý; tâm lý bất mãn với tha hóa xã hội của cá nhân, không được bảo vệ và cô độc của nó; khủng hoảng kinh tế - xã hội gay gắt làm tăng đáng kể cảnh nghèo nàn và thái độ bất mãn của dân.

Những nhân tố thuận lợi cho thể chế TLCTTT đó chỉ có thể được sử dụng khi có những điều kiện chính trị tương ứng. Đó là nhà nước hóa xã hội, xuất hiện các phong trào và các đảng toàn trị kiểu mới - các tổ chức đám đông được tư tưởng hóa tối đa, có cơ cấu chặt chẽ, bán quân sự, có kỳ vọng bắt mọi thành viên của mình hoàn toàn phục tùng những biểu tượng niềm tin mới và những người biểu thị chúng - các lãnh tụ, ban lãnh đạo nói chung (tức là thể chế thủ lĩnh chính trị). Khi sử dụng những điều kiện xã hội thuận lợi, chính các tổ chức và các phong trào này là người chủ yếu và trực tiếp tạo ra chế độ toàn trị như một chế độ chính trị hiện thực. Tuy nhiên, về thực chất của chế độ xã hội này, như Ph.Ăngghen đã từng nêu: “... sự tiến triển lịch sử nói chung và xét trong toàn bộ, được phó thác cho một nhóm thiểu số có đặc quyền, còn đông đảo quần chúng thì vẫn cứ phải dùng lao động của

mình để kiểm lấy những miếng ăn đủ cầm hơi và để không ngừng làm tăng thêm của cải cho một nhóm thiểu số có đặc quyền đặc lợi”⁽⁹⁾.

Như vậy, xét về mặt kinh tế và xã hội, thể chế TLCTTT tạo ra cơ cấu xã hội phù hợp với bản thân toàn trị của mình. Một cơ cấu xã hội mới được tạo ra cùng với việc phá vỡ cơ cấu xã hội cũ. Xã hội được phân hóa chủ yếu tùy thuộc vào phân chia quyền lực. Việc nắm quyền lực hay có ảnh hưởng đến nó là cơ sở cho phân tầng xã hội có những đặc quyền về kinh tế và xã hội. Một giai cấp quan chức mới được hình thành - thể chế thủ lĩnh chính trị toàn trị - như chỗ dựa chính của chế độ toàn trị.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, TLCTTT trong số các nhân vật lịch sử và nhóm quyết sách của họ có thể thông qua một số trình tự hợp pháp hoặc không hợp pháp để quyết định về một thời kỳ, một giai đoạn lịch sử nhất định ở mỗi một quốc gia, cũng như tính chất xã hội ở một thời kỳ nhất định, nhưng không phải mọi chủ thể sáng tạo lịch sử đều có khả năng trở thành lực lượng thúc đẩy sự phát triển của lịch sử xã hội, mà suy đến cùng, quần chúng nhân dân mới là lực lượng quyết định cuối cùng thúc đẩy sự phát triển của lịch sử. Đúng như Ph.Ăngghen đã nêu, sự hình thành nên “những động lực thực tế cuối cùng của lịch sử”, dù nói đến đó là của một nhân vật, thậm chí là nói đến động cơ của nhân vật vô cùng kiệt xuất chẳng nữa, thì đó chính là động cơ của quảng đại quần chúng⁽¹⁰⁾.

(1) V.I.Lênin, (2005) *Toàn tập*, T.36, Nxb. CTQG, Hà Nội, tr.102.

(2) H.D.Lasswell. *Power and Personality*. New York, 2019, tr. 103-104.

(3) N.A.Berdyaev. *Số phận của nước Nga*. M., (1990), tr. 329 - 331.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, T.16, Nxb. CTQG - Sự thật, Hà Nội, tr.487.

(5) Trích theo: F.A.Hayek (1991), *Con đường dẫn từ tự do tới nô lệ* // *tc “Thế giới mới”*, N°7, tr. 197.

(6) V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, T.41, Nxb. CTQG, Hà Nội, tr.290 - 291.

(7) E.Fromm (1990), *Chạy trốn khỏi tự do*.

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen (1999), *Toàn tập*, T.39, Nxb. CTQG - Sự thật, Hà Nội, tr.279.

(9) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, T.19, Nxb. CTQG - Sự thật, Hà Nội, tr.308.

(10) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, T.21, Nxb. CTQG - Sự thật, Hà Nội, tr.438.